

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2010/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 5 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định về đơn giá thuê đất
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Điều 11, Điều 12 và khoản 2 Điều 39 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 141/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số: 641 /TTr-STC ngày 28/4/2010 và thẩm định của Sở Tư pháp tại công văn số 56/STP-VBQP ngày 25/3/2010 về việc ban hành Quy định về đơn giá thuê đất hàng năm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất; Cục trưởng Cục thuế tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ vào đơn giá thuê đất quy định tại Quyết định này và chính sách hiện hành về thu tiền thuê đất để xác định đơn giá thuê đất, ký hợp đồng thuê đất và thu tiền thuê đất đối với các tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 29/2006/QĐ-UBND ngày 19/5/2006 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số: 12/2010/QĐ-UBND ngày 26/5/2010
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

1. Đơn giá thuê đất tại thành phố Quảng Ngãi và thị trấn các huyện đồng bằng:

1.1/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 1: Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 1,2% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

1.2/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 2: Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 1,15% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

1.3/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 3: Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 1,1% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

1.4/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 4: Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 1,05% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

1.5/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 5: Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 1% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

1.6/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 6: Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 0,95% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

1.7/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường đất có mặt cắt rộng từ 5 m trở lên: Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 0,9% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

1.8/ Đất tại các vị trí khác còn lại không thuộc các diện trên (Từ điểm 1 đến điểm 1.7): Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 0,8% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

2. Đơn giá thuê đất tại thị trấn các huyện miền núi:

2.1/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 1: Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 0,85% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

2.2/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 2: Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 0,8% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

2.3/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 3: Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 0,75% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

3. Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 0,5% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê, áp dụng cho:

3.1/ Đất trong Khu Công nghiệp, Cụm công nghiệp và địa bàn các xã thuộc huyện đồng bằng.

3.2/ Đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.

3.3/ Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ.

4. Đơn giá thuê đất tại các xã thuộc huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn:

Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 0,25% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

5. Đơn giá thuê đất thuộc Khu kinh tế Dung Quất:

Đơn giá thuê đất một năm tối thiểu tính bằng 0,25% giá đất và tối đa bằng 2% giá đất. Chủ tịch UBND tỉnh phân cấp về thẩm quyền quyết định đơn giá thuê đất như sau:

5.1/ Giám đốc Sở Tài chính quyết định đơn giá thuê đất đối với phần diện tích chưa giao một lần cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất.

5.2/ Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất quyết định đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đã giao một lần cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất.

Trường hợp có ý kiến khác nhau về đơn giá thuê đất giữa người thuê đất với cơ quan có thẩm quyền quyết định giá thuê đất thì quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh là quyết định cuối cùng.

6. Đơn giá thuê đất cho một số trường hợp khác (chỉ áp dụng cho các phường thuộc thành phố Quảng Ngãi):

6.1/ Trường hợp đất có mặt tiền tiếp giáp với hai đường phố trở lên thì đơn giá thuê đất được tính tăng thêm 10% theo đường phố có đơn giá thuê đất cao nhất của thửa đất đó.

6.2/ Trường hợp đất tại vị trí 2 thuộc đường phố từ loại 1 đến loại 6 thì đơn giá thuê đất tính bằng 90% đơn giá thuê đất theo loại đường phố.

6.3/ Trường hợp đất tại vị trí 3 thuộc đường phố từ loại 1 đến loại 6 thì đơn giá thuê đất tính bằng 70% đơn giá thuê đất theo loại đường phố.

7. Đơn giá thuê đất trong trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thuê hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thuê là đơn giá trúng đấu giá.

8. Giá đất để làm căn cứ xác định đơn giá thuê đất:

Cho phép áp dụng giá đất do UBND tỉnh quy định và công bố vào ngày 01/01 hàng năm để thực hiện. Trong trường hợp giá đất trên thị trường có sự biến động tăng thì Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xác định lại giá đất để trình UBND tỉnh xem xét, quyết định, làm cơ sở cho Sở Tài chính xác định đơn giá thuê đất.

9. Xử lý một số trường hợp vướng mắc, phát sinh:

Trong quá trình thực hiện, nếu có gì vướng mắc, phát sinh thì các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế